TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-ST
Ngày: 30- 6 -2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên;
2. Ông Trần Trung Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2023/QĐST-DS ngày 23/6/2023.

- *Nguyên đơn:*

1/ Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Nhà số 188D/1, khu phố 1A, phường A1, thành phố T1, tỉnh Bình Dương;

2/ Ông Hoàng Minh D, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 59, khu phố Đ, phường B1, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: 46/29/1 khu phố N, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/01/2023). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Hồng P, sinh năm 1984, địa chỉ: 133/1 đường Cây Da, khu phố T2, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số 79, đường 11, KDC Biconsi, khu phố T3, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Minh D là bà Lê Thị L trình bày:

Do có quen biết với nhau nên từ tháng 4/2021 đến tháng 01/2022 ông Đỗ Hồng P có vay của bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Minh D nhiều lần tiền, mục đích là để kinh doanh, cụ thể như sau:

+ Ngày 24/4/2021 vay số tiền 500.000.000 đồng;

+ Ngày 10/5/2021 vay số tiền 1.500.000.000 đồng;

+ Ngày 24/5/2021 vay số tiền 170.000.000 đồng;

+ Ngày 20/12/2021 vay số tiền 25.000.000 đồng;

+ Ngày 10/01/2022 vay số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng cộng, ông P vay của bà T và ông D số tiền là 2.295.000.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,6%/tháng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng, không ghi cụ thể trong hợp đồng. Việc vay tiền được tổng hợp và lập thành "hợp đồng kinh tế về thỏa thuận vay tiền" đề ngày 10/01/2022 để xác định lại thời hạn vay và thời gian trả lãi từ ngày 10/01/2022. Để tạo sự tin tưởng, ông P giao cho bà T, ông D 01 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Đỗ Hồng P.

Vào ngày 18/5/2021 ông P trả cho bà T và ông D được số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 23/11/2021 ông P trả thêm được số tiền 1.000.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại 995.000.000 đồng. Ông P hẹn sẽ trả cho bà T và ông D trước tết âm lịch năm 2022 (tức ngày 01/02/2022). Tuy nhiên, đến hạn thanh toán, bà T và ông D liên lạc với ông P để yêu cầu ông P trả nợ nhưng ông P khất lần không trả. Do quyền lợi bị ảnh hưởng, bà T và ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Hồng P trả số tiền còn nợ là 995.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 10/01/2022 đến ngày Tòa án xét xử 30/6/2023: 281.253.000 đồng. Tổng cộng ông P phải trả cho bà T và ông D số tiền 1.276.253.000 đồng.

- *Đối với bị đơn ông Đỗ Hồng P*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 09/6/2023, tham gia phiên tòa vào các ngày 23/6/2023 và 30/6/2023 nhưng vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 09/6/2023 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo "Hợp đồng kinh tế về thỏa thuận vay tiền" đề ngày 10/01/2022 nguyên đơn cung cấp thể hiện: Từ tháng 4/2021 đến tháng 01/2022 nguyên đơn cho bị đơn vay tổng cộng số tiền 2.295.000.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,6%/tháng; thời hạn vay đến trước tết âm lịch năm 2022 (tức ngày 01/02/2022). Việc vay tiền được tổng hợp và lập thành "Hợp đồng kinh tế về thỏa thuận vay tiền" đề ngày 10/01/2022. Qúa trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn tổng số tiền 1.300.000.000 đồng (ngày 18/5/2021 trả 300.000.000 đồng, ngày 23/11/2021 trả thêm 1.000.000.000 đồng). Thời điểm hiện tại bị đơn còn nợ của nguyên đơn tổng số tiền 995.000.000 đồng. Đến thời hạn thanh toán tiền vay bị đơn không thực hiện đúng như cam kết đã thỏa thuận. Ngoài ra quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn cũng chưa thanh toán lãi cho nguyên đơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến về việc không thừa nhận chữ ký của bị đơn trong giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bà T và ông D có cho ông P vay tiền và tổng số tiền vay ông P còn nợ của bà T và ông D đến thời điểm hiện tại 995.000.000 đồng.

[2.2] Theo quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…*". nguyên đơn xác định từ khi vay đến nay ông P chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi nào và đến thời hạn thanh toán tiền vay (ngày 10/01/2022) ông P cũng không thực hiện theo đúng như cam kết. Bị đơn ông P không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền còn nợ là 995.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] *Về mức lãi suất*: Tại "Hợp đồng kinh tế về thỏa thuận vay tiền đề ngày 10/01/2022" giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận lãi suất cụ thể mà chỉ ghi "*với lãi suất như đã thỏa thuận*". Qúa trình tố tụng nguyên đơn xác định mức lãi suất hai bên thỏa thuận ngoài, cụ thể là 1,6%/tháng (tương đương 0,0533%/ngày). Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự về lãi suất: "*Lãi suất vay do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.... Trường hợp lãi suất theo thoả thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".* Như vậy, nguyên đơn và bị đơn thoả thuận mức lãi suất 1.6%/tháng tương đương 19,2%/năm là phù hợp. Nguyên đơn xác định bị đơn chưa trả lãi vay, bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả lãi vay nên nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lãi vay là có căn cứ chấp nhận.

Cụ thể: Tiền lãi từ ngày 10/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2023 (17 tháng 20 ngày): [(995.000.000 đồng x 1,6% x 17 tháng) + (995.000.000 đồng x 0,0533% x 20 ngày)] = 281.253.000 đồng.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T và ông D, buộc bị đơn ông P phải trả cho nguyên đơn bà T và ông D số tiền vay còn nợ là 995.000.000 đồng và tiền lãi 281.253.000 đồng. Tổng cộng: 1.276.253.000 đồng.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Hồng P phải chịu án phí trên số tiền trả cho nguyên đơn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Minh D đối với bị đơn ông Đỗ Hồng P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Đỗ Hồng P phải trả cho bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Minh D số tiền 1.276.253.000đ (một tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc 995.000.000đ (chín trăm chín mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 281.253.000đ (hai trăm tám mươi mốt triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi ông Đỗ Hồng P trả xong các khoản nợ theo thỏa thuận với mức lãi suất thỏa thuận 1,6%/tháng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đỗ Hồng P phải chịu 50.287.590đ (năm mươi triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi đồng). Trả lại cho bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Minh D 23.790.600 (hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006130 ngày 02/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương